

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2023 CỦA HUYỆN CÙ LAO DUNG

STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TIÊU CHÍ HẠ CHUẨN	Ý KIẾN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH	Mất điểm
I	THU CHẾ HẠ CHUẨN: 42,26/5; 53,20/5; 54,20/5; 71,50/5; 15,12/20 Tiêu chí hạ chuẩn tổng quát: 6.1.3.0.5.6.3.2.0.25.7.14.1 Tiêu chí hạ chuẩn chi tiết:	4,0000					
	ĐIỂM SAU HẠ CHUẨN	66,0000	60,2289	47,3549	71,75%		18,6451
I	KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	Điểm trước hạ chuẩn 63.5 Điểm sau hạ chuẩn 59.75	56,7289	44,6049			
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	14,0000	11,4900	9,9900			4,0100
1.3	Công tác tuyên truyền CCHC	4,0000	2,7500	3,2500			0,7500
	Kết quả tuyên truyền CCHC do đơn vị thực hiện	2,0000	1,2500	1,2500		Nội dung lần 1:	0,7500
	1.1 Tham gia tuyên truyền CCHC trên Trang thông tin CCHC tỉnh Sóc Trăng: Ít nhất 01 bài viết/Quý I	0,1250	0,0000	0,0000		1. 1. Trang TTĐT CCHC tỉnh: huyện không có bài viết được duyệt đăng.	0,1250
	1.2 Tham gia tuyên truyền CCHC trên Trang thông tin CCHC tỉnh Sóc Trăng: Ít nhất 01 bài viết/Quý II	0,1250	0,0000	0,0000		2. Trang TTĐT của huyện: thống nhất huyện có thực hiện tuyên truyền 8/10 tháng trong năm.	0,1250
	1.3 Tham gia tuyên truyền CCHC trên Trang thông tin CCHC tỉnh Sóc Trăng: Ít nhất 01 bài viết/Quý III	0,1250	0,0000	0,0000		3. Kênh zalo CCHC: huyện không có bài viết được duyệt đăng.	0,1250
	2.1 Tham gia tuyên truyền CCHC trên Trang thông tin điện tử của địa phương: Ít nhất 01 bài viết/ tháng 01	0,0625	0,0000	0,0000		4. Hình thức tuyên truyền khác: thống nhất huyện có thực hiện tuyên truyền CCHC thông qua hình thức hội họp.	0,0625
	2.2 Tham gia tuyên truyền CCHC trên Trang thông tin điện tử của địa phương: Ít nhất 01 bài viết/ tháng 02	0,0625	0,0000	0,0000		Ý kiến thẩm định 2:	0,0625
	3.1 Có bài tuyên truyền CCHC trên Công thông tin điện tử tỉnh Sóc Trăng thông qua kênh Zalo mục CCHC (Bài viết được Ban biên tập chọn ra từ bài viết đơn vị gửi đăng trên Trang thông tin CCHC tỉnh Sóc Trăng)	0,1250	0,0000	0,0000		1. 1. Trang TTĐT CCHC tỉnh: Thống nhất huyện có 1 bài viết được duyệt đăng vào quý 4/2023.	0,1250
	3.2 Có bài tuyên truyền CCHC trên Công thông tin điện tử tỉnh Sóc Trăng thông qua kênh Zalo mục CCHC (Bài viết được Ban biên tập chọn ra từ bài viết đơn vị gửi đăng trên Trang thông tin CCHC tỉnh Sóc Trăng)	0,1250	0,0000	0,0000		2. Trang TTĐT của huyện: thống nhất huyện có thực hiện tuyên truyền vào tháng 11, 12 năm 2023.	0,1250
1.4	Những giải pháp về chỉ đạo, điều hành CCHC	3,0000	3,0000	2,0000			1,0000
	Sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC	2,0000	2,0000	1,0000		Nội dung lần 1:	1,0000
	1. Duy trì, nhân rộng hiệu quả sáng kiến đã thực hiện (đã được công nhận thông qua Chỉ số cải cách hành chính, kết quả đạt giải sáng kiến trong Hội thi CCHC hàng năm)	1,0000	1,0000	1,0000		1. Huyện chưa cung cấp tài liệu kiểm chứng. Đề nghị bổ sung.	
	2.1 Có sáng kiến, giải pháp mới về CCHC: Tối đa 1,0 điểm. Đánh giá theo 1 trong 2 mức độ sau	1,0000	1,0000	0,0000		Ý kiến thẩm định 2:	1,0000
						1. Thống nhất huyện có duy trì sáng kiến: Sử dụng Google Forms để khảo sát ý kiến đánh giá cho Chỉ số CCHC cấp xã tại huyện.	
1.5	Thực hiện nhiệm vụ CCHC do Ủy ban nhân dân tỉnh giao	2,0000	1,0000	1,5000			0,5000
	Thực hiện nhiệm vụ liên quan CCHC của UBND tỉnh giao	1,0000	0,5000	0,5000		Nội dung lần 1:	0,5000
	- Thực hiện đạt 100% nhiệm vụ UBND tỉnh giao tại văn bản chỉ đạo có xác định cụ thể về sản phẩm và thời gian thực hiện	1,0000	0,0000	0,0000		1. 1. Kế hoạch CCHC của tỉnh: Đơn vị được giao 6 nhiệm vụ. 2. Kế hoạch tuyên truyền CCHC của tỉnh: Đơn vị được giao 2 nhiệm vụ. Tổng cộng: 8 nhiệm vụ. Hội đồng thẩm định sẽ cập nhật kết quả thực hiện nhiệm vụ trong lần thẩm định sau.	
	- Thực hiện đạt từ 50% - dưới 100% nhiệm vụ UBND tỉnh giao tại văn bản chỉ đạo có xác định cụ thể về sản phẩm và thời gian thực hiện	0,5000	0,5000	0,5000		Ý kiến thẩm định 2:	
	- Không thực hiện hoặc thực hiện nhiệm vụ đạt dưới 50%	0,0000	0,0000	0,0000		1. Đơn vị thực hiện 6/8 nhiệm vụ, đạt tỷ lệ 75%. Còn lại 02 nhiệm vụ trong KH tuyên truyền CCHC của tỉnh chưa triển khai thực hiện:	
						1. Tổ chức học tập kinh nghiệm về CCHC. 2. Phát động cuộc thi tìm hiểu CCHC hoặc tọa đàm CCHC năm 2023 gắn với mục tiêu, nhiệm vụ CCHC, chuyển đổi số của ngành, địa phương.	
1.6	Đóng góp cải thiện Chỉ số CCHC tỉnh Sóc Trăng	1,0000	1,0000	0,0000		Nội dung thẩm định lần 1:	1,0000
	Kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị không làm ảnh hưởng đến Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh	1,0000	1,0000	0,0000		1. Đơn vị có 03 nhiệm vụ làm ảnh hưởng đến Chỉ số CCHC của tỉnh năm 2022 (theo đánh giá của Bộ Nội vụ) là có 32 hồ sơ trẻ hạn; không khắc phục 100% tồn tại, hạn chế theo kết luận kiểm tra CCHC; có cán bộ cấp xã bị xử lý kỷ luật.	1,0000
	- Đơn vị chưa thực hiện đầy đủ, kịp thời nhiệm vụ được giao làm ảnh hưởng đến Chỉ số CCHC của tỉnh trong năm trước liền kề	0,0000	0,0000	0,0000			
1.7	Kiểm tra CCHC	1,5000	1,2400	1,2400			0,2600

STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TIÊU CHÍ HẠ CHUẨN	Ý KIẾN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH	Mất điểm
1.7.1	Kiểm tra đối với UBND cấp xã và đơn vị trực thuộc	0,5000	0,5000	0,5000		Nội dung lần 1: 1. Theo Kế hoạch kiểm tra CCHC của huyện và các Thông báo kết luận do huyện cung cấp, huyện thực hiện kiểm tra 4/8 đơn vị cấp xã, đạt tỷ lệ 50%.	
	- Trong năm thực hiện kiểm tra công tác CCHC đối với ít nhất 30% đơn vị cấp xã	0,5000	0,5000	0,5000			
	Trong năm không thực hiện hoặc thực hiện kiểm tra công tác CCHC chưa đạt 30% đơn vị cấp xã	0,0000	0,0000	0,0000			
1.7.2	Xử lý sau kiểm tra CCHC	1,0000	0,7400	0,7400		Nội dung lần 1: 1. Theo các Thông báo kết luận, Đoàn kiểm tra đã phát hiện 19 tồn tại, hạn chế. Theo Báo cáo khắc phục, các xã An Thạnh Nam, Đại Ân 1, Phòng Nội vụ, phòng Tư pháp đã khắc phục 12 tồn tại, hạn chế. Báo cáo khắc phục của xã An Thạnh 2 và An Thạnh 3 còn nêu chung chung. Đề nghị huyện rà soát lại. Huyện chưa cung cấp bảng thống kê chi tiết các nội dung hạn chế và khắc phục theo đúng hướng dẫn chấm điểm. Đề nghị bổ sung. Ý kiến thẩm định 2: 1. Thống nhất.	0,2600
	Xử lý khắc phục đối với hạn chế phát sinh tính theo công thức: (Tỷ lệ% vấn đề khắc phục x 1,0 điểm) : 100%	1,0000	0,7400	0,7400			0,2600
1.8	Thực hiện chấm điểm, xác định Chỉ số CCHC cấp xã	1,5000	1,5000	1,0000			0,5000
1.8.1	Công bố Chỉ số CCHC cấp xã	0,5000	0,5000	0,0000		Nội dung lần 1: 1. Đề nghị bổ sung tài liệu kiểm chứng theo đúng hướng dẫn chấm điểm. Ý kiến thẩm định 2: 1. Thống nhất.	0,5000
	- Ban hành quyết định công bố Chỉ số CCHC cấp xã trong năm	0,5000	0,5000	0,0000			0,5000
	- Không ban hành quyết định công bố Chỉ số CCHC cấp xã trong năm	0,0000	0,0000	0,0000			
1.8.2	Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm Chỉ số CCHC cấp xã	1,0000	1,0000	1,0000		Nội dung lần 1: 1. Đề nghị bổ sung tài liệu kiểm chứng theo đúng hướng dẫn chấm điểm. Ý kiến thẩm định 2: 1. Thống nhất.	
	1. Xây dựng báo cáo chi tiết đánh giá Chỉ số CCHC cấp xã	0,5000	0,5000	0,5000			
	2. Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm Chỉ số CCHC cấp xã	0,5000	0,5000	0,5000			
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	5,0000	5,0000	4,9000			0,1000
2.2	Thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật	0,5000	0,0000	0,4000		Nội dung thẩm định lần 1: 1. Tài liệu kiểm chứng đúng quy định. Nội dung thẩm định 2	0,1000
	1.1 Báo cáo 6 tháng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đảm bảo đề cương, biểu mẫu, thời gian	0,1500	0,0000	0,1500		1. Tài liệu kiểm chứng đúng quy định. Tỷ lệ tham gia cuộc thi trực tuyến "Tìm hiểu pháp luật" đạt 56,08% (526/938): Đạt 0,1 điểm.	0,1000
	1.2 Báo cáo 6 tháng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật không đảm bảo đề cương, biểu mẫu, thời gian	0,1000	0,0000	0,0000			
	1.3 Không thực hiện Báo cáo 6 tháng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật	0,0000	0,0000	0,0000			
	1.4 Báo cáo năm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đảm bảo đề cương, biểu mẫu, thời gian	0,1500	0,0000	0,1500			
	1.5 Báo cáo năm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật không đảm bảo đề cương, biểu mẫu, thời gian	0,1000	0,0000	0,0000			0,1000
	1.6 Không thực hiện báo cáo năm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật	0,0000	0,0000	0,0000			
	2. Tham gia cuộc thi trực tuyến "Tìm hiểu pháp luật năm 2023"	0,2000	0,0000	0,1000			0,1000
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)	7,0000	5,7500	4,5000			2,5000
3.1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC trong năm	1,5000	0,7500	0,5000			1,0000
3.1.1	Thực hiện rà soát, đơn giản hóa TTHC theo thẩm quyền	1,0000	0,2500	0,0000		Nội dung lần 1: 1. Trong năm, đơn vị có ban hành Kế hoạch nhưng qua rà soát không có kiến nghị phương án đơn giản hóa TTHC.	1,0000
	1.1 Có ban hành Kế hoạch đúng thời gian quy định và qua rà soát có kiến nghị phương án đơn giản hóa TTHC	0,2500	0,2500	0,0000			0,2500
	1.2 Không ban hành Kế hoạch hoặc có ban hành Kế hoạch, qua rà soát không kiến nghị phương án đơn giản hóa TTHC hoặc có kiến nghị phương án đơn giản TTHC nhưng phương án không đảm bảo chất lượng (kiến nghị chi đề xuất 01 phương án đối với rút ngắn thời gian giải quyết TTHC)	0,0000	0,0000	0,0000			
	2.1 Qua rà soát có kiến nghị phương án đơn giản hóa TTHC được Chủ tịch UBND tỉnh thông qua phương án đơn giản hóa TTHC của ngành, lĩnh vực theo Kế hoạch rà soát TTHC của UBND tỉnh	0,5000	0,0000	0,0000			0,5000
	2.2 Kiến nghị phương án đơn giản hóa không đạt chất lượng và không được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua phương án đơn giản hóa	0,0000	0,0000	0,0000			
	2.3 Trong năm, đơn vị có văn bản thông báo rút ngắn thời gian giải quyết và có phát sinh hồ sơ thực tế và giải quyết đúng hạn hoặc trước hạn đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý đã thực hiện thông báo rút ngắn	0,2500	0,0000	0,0000			0,2500

STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TIÊU CHÍ HẠ CHUẨN	Ý KIẾN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH	Mất điểm
3.4	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	2,5000	2,0000	1,0000			1,5000
3.4.3	Triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại đơn vị	1,0000	0,5000	0,0000		Nội dung lần 1: 1. Đề nghị đơn vị bổ sung tài liệu kiểm chứng về sáng kiến (nếu có)!	1,0000
	1.1 Đơn vị có sáng kiến, giải pháp đổi mới việc thực hiện cải cách TTHC, triển khai thực hiện Đề án đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, đạt hiệu quả thực hiện và được nhân rộng thực hiện trên địa bàn	0,5000	0,5000	0,0000		Ý kiến thẩm định 2: 1. Sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả thực hiện chưa cao (chỉ áp dụng đối với 01 TTHC), Hội đồng chưa cho điểm tiêu chí này.	0,5000
	1.2 Đơn vị có sáng kiến, giải pháp đổi mới việc thực hiện cải cách TTHC, triển khai thực hiện Đề án đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC nhưng chưa đạt hiệu quả	0,0000	0,0000	0,0000			
	2.1 Đơn vị có triển khai việc giám sát, đánh giá chất lượng giải quyết TTHC trên cơ sở ứng dụng công nghệ mới hoặc Hệ thống đánh giá mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC (thống kê được số lượt, có gắn với mã số nhân viên, số thứ tự thực hiện TTHC theo ngày, ...)	0,2500	0,0000	0,0000			0,2500
	2.2 Không triển khai hoặc Hệ thống chưa đáp ứng tính năng	0,0000	0,0000	0,0000			
	3.1 Có đề xuất phương án tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ TTHC và đã được Chủ tịch UBND tỉnh thông qua	0,2500	0,0000	0,0000			0,2500
	3.2 Không có đề xuất hoặc chưa được thông qua phương án	0,0000	0,0000	0,0000			
3.4.4	Thực hiện tiếp nhận, xử lý và trả kết quả hồ sơ TTHC đúng quy định	0,5000	0,5000	0,0000		Nội dung lần 1: 1. Không thống nhất với điểm tự chấm của đơn vị. Đề nghị đơn vị thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh!	0,5000
	Đơn vị thực hiện đúng quy định về tiếp nhận, xử lý và trả kết quả hồ sơ TTHC (tiếp nhận đúng thành phần hồ sơ, không những nhiều, không phát sinh thêm cửa, thêm dấu, ...); đơn vị không có phản ánh, kiến nghị liên quan đến hành vi hành chính (những nhiều, thái độ phục vụ, ...); không có hồ sơ trễ hạn trên phần mềm Một cửa điện tử (thực tế đã trả đúng hạn)	0,5000	0,5000	0,0000			0,5000
	Vì phạm một trong những yếu tố trên thì đánh giá 0 điểm	0,0000	0,0000	0,0000			
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY	8,0000	8,0000	5,3636			2,6364
4.1	Thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại địa phương	3,0000	3,0000	2,0000		Nội dung thẩm định lần 1: 1. Theo chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Vương Quốc Nam tại Văn bản số 6254/VP-KT ngày 06/11/2023 về việc thông kê đạt đại năm 2023 và chuẩn bị kiểm kê đạt đại năm 2024 trên địa bàn tỉnh, UBND huyện Củ Lao Dung chưa gửi báo cáo gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường theo yêu cầu. Đồng thời thực hiện Đề án quản lý, sử dụng hiệu quả đất và cơ sở nhà, đất công, đất nông, lâm trường, đất bãi bồi ven sông, ven biển trên địa bàn tỉnh, UBND huyện Củ Lao Dung chưa gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường theo yêu cầu.	3,0000
	Không có nhiệm vụ chậm trễ, không đảm bảo quy định hoặc không thực hiện mà có văn bản nhắc nhở, đôn đốc	3,0000	3,0000	0,0000			2,5000
	Có 01 nhiệm vụ chậm trễ, không đảm bảo quy định hoặc không thực hiện mà có văn bản nhắc nhở, đôn đốc	2,5000	0,0000	0,0000			
	Có 02 nhiệm vụ chậm trễ, không đảm bảo quy định hoặc không thực hiện mà có văn bản nhắc nhở, đôn đốc	2,0000	0,0000	2,0000		Hội đồng thẩm định tiếp tục rà soát và cập nhật kết quả trong lần thẩm định sau	
	Có 03 nhiệm vụ chậm trễ, không đảm bảo quy định hoặc không thực hiện mà có văn bản nhắc nhở, đôn đốc	1,5000	0,0000	0,0000		Nội dung thẩm định lần 2 1. Đơn vị có 1 văn bản liên quan đến công tác Thanh tra, kiểm tra: Kết luận số 12/KL-TTtr ngày 03/7/2023.	1,5000
	Có 04 nhiệm vụ chậm trễ, không đảm bảo quy định hoặc không thực hiện mà có văn bản nhắc nhở, đôn đốc	1,0000	0,0000	0,0000			1,0000
4.2	Có 05 nhiệm vụ chậm trễ, không đảm bảo quy định hoặc không thực hiện mà có văn bản nhắc nhở, đôn đốc	0,5000	0,0000	0,0000			0,5000
	Sắp xếp, kiến toàn tổ chức thuộc và trực thuộc, đơn vị hành chính cấp xã theo quy định	1,0000	1,0000	0,5000			0,5000
4.5	Thực hiện phân cấp quản lý	1,5000	1,5000	0,3636			1,1364
4.5.1	Kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước của UBND cấp xã	0,5000	0,5000	0,2500		Nội dung lần 1: 1. Ý kiến thẩm định 2: 1. ĐV chưa cung cấp TB kết luận lĩnh vực Thanh tra	0,2500
	Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp xã đối với ít nhất 05 lĩnh vực (không bao gồm lĩnh vực CCHC)	0,5000	0,5000	0,0000			0,5000
	Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp xã dưới 05 lĩnh vực (không bao gồm lĩnh vực CCHC)	0,2500	0,0000	0,2500			
	Không thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ	0,0000	0,0000	0,0000			
4.5.2	Xử lý các vấn đề phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1,0000	1,0000	0,1136		Ý kiến thẩm định 2: 1. iểm tra phân cấp QLNN đối với các lĩnh vực cho phép lồng ghép kiểm tra giữa các cuộc kiểm tra với nhau tuy nhiên để cương của từng nhiệm vụ QLNN phải đầy đủ, cụ thể. TLKC chưa đảm bảo. Tổng hạn chế phát hiện qua kiểm tra 4 xã là 11 hạn chế, trong đó chưa có hạn chế nào có báo cáo khắc phục được chứng minh bằng văn bản, số liệu cụ thể đã khắc phục	0,8864
	Tỷ lệ % vấn đề được khắc phục hoàn toàn x 1,0 điểm	1,0000	1,0000	0,0000			1,0000
	Tỷ lệ % vấn đề đã khắc phục nhưng chưa hoàn thành x 0,25 điểm	0,2500	0,0000	0,1136			0,1364
5	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	8,0000	7,8750	6,2500			1,7500
5.1	Thực hiện tiêu chuẩn ngạch công chức và chức danh nghề nghiệp viên chức	2,0000	2,0000	1,5000			0,5000
5.1.2	Tiêu chuẩn ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	1,0000	1,0000	0,5000		Nội dung lần 1: 1. Chưa đủ cơ sở thẩm định, đề nghị đơn vị bổ sung danh sách thống kê chất lượng BCCVC để thẩm định lần 2. Ý kiến thẩm định 2: 1. Viên chức chưa đạt chuẩn 100%, chủ yếu do chưa qua bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	0,5000
	1. 100% công chức đạt tiêu chuẩn ngạch	0,5000	0,5000	0,5000			

STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TIÊU CHÍ HẠ CHUẨN	Ý KIẾN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH	Mất điểm
	2. 100% viên chức đạt tiêu chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp	0,5000	0,5000	0,0000			0,5000
5.2	Hoàn thiện vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp	0,5000	0,3750	0,2500			0,2500
5.2.1	Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức	0,2500	0,2500	0,1250		Nội dung lần 1: 1. Qua rà soát, tính đến thời điểm thẩm định, đơn vị chưa hoàn thiện việc thực hiện rà soát, điều chỉnh VTVL theo Công văn số 2905/SNV-TCCC ngày 23/10/2023 của Sở Nội vụ. Đề nghị đơn vị bổ sung TLKC nếu đã rà soát hoặc rà soát nhưng chưa đảm bảo thời gian Ý kiến thẩm định 2: 1. Rà soát trễ thời gian quy định. Giữ nguyên ý kiến thẩm định lần 1	0,1250
	1. Đã rà soát đề án vị trí việc làm đúng thời gian	0,1250	0,2500	0,0000			0,1250
	2. Đề án đã được trình phê duyệt	0,1250	0,0000	0,1250			
5.2.2	Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch viên chức theo chức danh nghề nghiệp	0,2500	0,1250	0,1250		Nội dung lần 1: 1. Chưa rà soát theo Công văn số 2905/SNV-TCCC ngày 23/10/2023 của Sở Nội vụ. Đề nghị đơn vị bổ sung TLKC làm cơ sở thẩm định lần 2 Ý kiến thẩm định 2: 1. Qua rà soát, Tờ trình số 196/TTr-UBND ngày 27/11/2023 được gửi đến SNV (qua hệ thống VBĐH, có đóng dấu VB đến) ngày 04/12/2023 là trễ thời gian theo quy định tại Công văn số 3179/SNV -TTCC ngày 16/11/2023 của Sở Nội vụ.	0,1250
	1. Đã rà soát đề án vị trí việc làm đúng thời gian	0,1250	0,0000	0,0000			0,1250
	2. Đề án đã được trình phê duyệt	0,1250	0,1250	0,1250			
5.3	Thực hiện tuyển dụng công chức cấp xã, viên chức, ký hợp đồng đối với người lao động	1,5000	1,5000	1,0000			0,5000
5.3.2	Thực hiện tuyển dụng viên chức	0,5000	0,5000	0,0000	Tiêu chí hạ chuẩn 100%	Nội dung lần 1: 1. Đề nghị đơn vị bổ sung đầy đủ các bước thực hiện + TLKC theo danh mục dự kiến đính kèm để làm cơ sở thẩm định. Đồng thời, đây là TLKC tiếp tục sử dụng để chấm điểm với BNV nên đề nghị đơn vị rà soát, cung cấp đầy đủ, nội dung nào chưa đến thời gian thực hiện thì ghi chú cụ thể Ý kiến thẩm định 2: 1. Thống nhất hạ chuẩn do chưa kết thúc công tác tuyển dụng	0,5000
	Tổ chức tuyển dụng viên chức theo đúng quy định	0,5000	0,5000	0,0000			0,5000
	Tổ chức thực hiện chưa đúng	0,0000	0,0000	0,0000			
	Không có nhu cầu thực hiện tuyển dụng thì hạ chuẩn	0,5000	0,0000	0,0000			0,5000
5.4	Phân công, bố trí công chức cấp huyện, công chức cấp xã, viên chức theo vị trí tuyển dụng	1,0000	1,0000	0,5000			0,5000
6	CAI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	4,0000	3,5000	2,7500			1,2500
6.1.3	Thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị năm trước liền kề	1,0000	1,0000	0,5000	Tiêu chí hạ chuẩn thành phần	Nội dung lần 1: 1. Đề nghị báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị theo mẫu quy định (kể cả khối đoàn thể) và xác định rõ thời gian gửi báo cáo đến cơ quan tài chính có kịp thời theo quy định không? để phục vụ chấm điểm. Ý kiến thẩm định 2: 1. - Thống nhất 0,5 điểm. - Tình hình thanh tra, kiểm tra: Hạ chuẩn.	0,5000
	1.1 Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị thể hiện đầy đủ nội dung, đúng mẫu biểu theo quy định (0,25 điểm)	0,2500	0,2500	0,2500			
	1.2 Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị gửi về Sở Tài chính chậm nhất ngày 28 tháng 02 năm sau (theo dấu đến của Sở Tài chính).	0,2500	0,2500	0,2500			
	2.1. Có thanh tra, kiểm toán năm trước liền kề: Không có kết luận sai phạm của cơ quan thanh tra, kiểm toán về xử lý tài chính	0,5000	0,0000	0,0000			0,5000
	2.1. Có thanh tra, kiểm toán năm trước liền kề: Trường hợp có kết luận sai phạm của cơ quan thanh tra, kiểm toán về tài chính	0,0000	0,0000	0,0000			
	2.2. Không có thanh tra, kiểm toán năm trước liền kề thì hạ điểm chuẩn	0,5000	0,5000	0,0000	TCHCTP		0,5000
6.2	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên hoặc tự đảm bảo chi thường xuyên tăng loại mức độ tự chủ tài chính so với giai đoạn trước	0,5000	0,0000	0,0000		Nội dung thẩm định lần 1: 1. Huyện không có đvsncl tăng loại mức độ tự chủ tài chính	0,5000
	1.1 Có thêm ĐVSNCCL được nhà nước đảm bảo chi thường xuyên tăng lên tự đảm bảo một phần chi thường xuyên	0,5000	0,0000	0,0000			0,5000
	1.2 Có thêm ĐVSNCCL tự đảm bảo một phần chi thường xuyên tăng lên tự đảm bảo chi thường xuyên	0,5000	0,0000	0,0000			0,5000
	2. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập không tăng loại mức độ tự chủ tài chính hoặc chưa được UBND huyện giao quyền tự chủ tài chính	0,0000	0,0000	0,0000			
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập	1,5000	1,5000	1,5000			
6.3.2	Thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập năm trước liền kề	0,5000	0,5000	0,2500	Tiêu chí hạ chuẩn thành phần	Nội dung lần 1: 1. Đề nghị báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của 31 đơn vị sncl theo mẫu quy định và xác định rõ thời gian gửi báo cáo đến cơ quan tài chính có kịp thời theo quy định không? để phục vụ chấm điểm. Ý kiến thẩm định 2: 1. - Thống nhất 0,5 điểm. - Tình hình thanh tra, kiểm toán: Hạ chuẩn.	0,2500
	1. Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thể hiện đầy đủ nội dung, đúng quy định và gửi về cơ quan tài chính chậm nhất ngày 28 tháng 02 năm sau (theo dấu đến của cơ quan tài chính)	0,2500	0,2500	0,2500			
	2.1. Có thanh tra, kiểm toán năm trước liền kề: Không có kết luận sai phạm của cơ quan thanh tra, kiểm toán về xử lý tài chính	0,2500	0,0000	0,0000			0,2500
	2.1. Có thanh tra, kiểm toán năm trước liền kề: Trường hợp có kết luận sai phạm của cơ quan thanh tra, kiểm toán về tài chính	0,0000	0,0000	0,0000			

STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TIÊU CHÍ HẠ CHUẨN	Ý KIẾN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH	Mất điểm
	2.2. Không có thanh tra, kiểm toán năm trước liền kề thì hạ điểm chuẩn	0,2500	0,2500	0,0000	TCHCTP		0,2500
7	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ	17,5000	15,1139	10,8513			6,6487
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT)	15,5000	13,1139	9,8513			5,6487
7.1.2	Xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng	1,0000	0,8490	0,7067		Nội dung lần 1: 1. Ý kiến thẩm định 2: 1. Số liệu cập nhật đến 30/11/2023	0,2933
	1. Tỷ lệ văn bản trao đổi với các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử có sử dụng chữ ký số	0,5000	0,3989	0,4631			0,0369
	2. Tỷ lệ công chức thường xuyên sử dụng phần mềm quản lý văn bản điều hành	0,5000	0,4501	0,2436			0,2564
7.1.3	Công khai TTHC trên môi trường điện tử	1,5000	1,4606	1,4606		Nội dung lần 1: 1. Mục 2: Đề nghị bổ sung tài liệu kiểm chứng Ý kiến thẩm định 2: 1.	0,0394
	1. Công khai kịp thời thủ tục hành chính (TTHC) trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh	0,5000	0,5000	0,5000			
	2. Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên hệ thống hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh	1,0000	0,9606	0,9606			0,0394
7.1.6	Dịch vụ công trực tuyến	4,5000	2,6843	0,6840	Tiêu chí hạ chuẩn thành phần	Nội dung lần 1: 1. 1. Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ - TTHC toàn trình huyện 141 - TTHC toàn trình xã 62 => Tổng 221 TTHC toàn trình 4. Tỷ lệ DVCTT toàn trình có yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính đã tích hợp thanh toán trực tuyến (0.5 điểm) - TTHC một phần (Huyện Xã): 26 - TTHC toàn trình (Huyện xã): 20 => Tổng 46 6. Mức độ hài lòng khi sử dụng DVCTT trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh Hạ điểm chi tiêu 6 Ý kiến thẩm định 2: 1. 6. Mức độ hài lòng khi sử dụng DVCTT trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh Hạ điểm chi tiêu 6	3,8160
	1. Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ	0,5000	0,1560	0,2512			0,2488
	2. Tỷ lệ hồ sơ DVCTT xử lý toàn trình	0,5000	0,5000	0,2154			0,2846
	3. Tỷ lệ cung cấp biểu mẫu điện tử tương tác (eForm) của các Dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) toàn trình	1,0000	1,0000	0,0000			1,0000
	4. Tỷ lệ DVCTT toàn trình có yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính đã tích hợp thanh toán trực tuyến (0.5 điểm)	0,5000	0,0283	0,2174			0,2826
	5. Tỷ lệ DVCTT toàn trình thực hiện thanh toán trực tuyến	1,0000	0,0000	0,0000			1,0000
	6. Mức độ hài lòng khi sử dụng DVCTT trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh	1,0000	1,0000	0,0000	TCHCTP		1,0000
7.1.7	Nhân lực phục vụ chuyển đổi số	1,5000	1,5000	0,5000		Nội dung lần 1: 1. Đề nghị bổ sung tài liệu kiểm chứng Ý kiến thẩm định 2: 1. Không có văn bản cử cán bộ phụ trách	1,0000
	1. Có bố trí cán bộ phụ trách công nghệ thông tin tại đơn vị	1,0000	1,0000	0,0000			1,0000
	2. Tỷ lệ tham gia có hiệu quả các lớp đào tạo/tập huấn do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức	0,5000	0,5000	0,5000			
7.1.1	Tiêu chí khác liên quan đến Chuyển đổi số	2,0000	2,0000	1,0000		Nội dung lần 1: 1. Mục 1: Đề nghị bổ sung tài liệu kiểm chứng. (Họ tên, tên zalo, SĐT đăng ký zalo) Ý kiến thẩm định 2: 1. Không có tài liệu minh chứng cho số lượng nhân sự tại các đơn vị cấp huyện theo dõi trang ZaloOA	1,0000
1	1. Công chức, viên chức tại đơn vị theo dõi trang "Chuyển đổi số tỉnh Sóc Trăng" theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 03/11/2022 của UBND tỉnh	1,0000	1,0000	0,0000			1,0000
	2. Hướng ứng đầy đủ các nội dung về Ngày Chuyển đổi số của tỉnh như treo Băng rôn, xây dựng banner trên Cổng TTĐT. Tiêu chí chấm điểm căn cứ vào Kế hoạch hằng năm của tỉnh ban hành	1,0000	1,0000	1,0000			
II	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	36,5000	3,5000	2,7500			33,7500
1	Tác động của công tác chỉ đạo điều hành CCHC	22,5000	3,5000	2,7500			19,7500
1.1	Tác động của công tác chỉ đạo điều hành CCHC	1,0000	0,5000	0,0000			1,0000
	Tỷ lệ Chỉ số CCHC năm sau cao hơn năm trước	1,0000	0,0000	0,0000			1,0000
	Tỷ lệ Chỉ số CCHC năm sau bằng năm trước	0,5000	0,5000	0,0000			0,5000
	Tỷ lệ Chỉ số CCHC năm sau thấp hơn năm trước	0,0000	0,0000	0,0000			
1.5	Hiệu quả, tác động của cải cách đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	5,5000	3,5000	2,7500			2,7500
1.5.2	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	0,2500	0,1250	0,1250		Nội dung lần 1: 1. cần bổ sung tài liệu kiểm chứng, thống nhất danh mục tài liệu giữa các xã, ví dụ An Thạnh Nam không có Biên bản họp XXLD Ý kiến thẩm định 2: 1. đã có bổ sung tài liệu kiểm chứng	0,1250
	Thực hiện đạt so kế hoạch và cao hơn so với năm trước liền kề	0,2500	0,0000	0,0000			0,2500
	Thực hiện đạt so kế hoạch	0,1250	0,1250	0,1250			
	Thực hiện không đạt so kế hoạch	0,0000	0,0000	0,0000			
1.5.3	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	0,2500	0,2500	0,1250		Nội dung lần 1: 1. cần bổ sung tài liệu kiểm chứng, thống nhất danh mục tài liệu giữa các xã, ví dụ An Thạnh Nam không có Biên bản họp XXLD Ý kiến thẩm định 2: 1. đã có bổ sung tài liệu kiểm chứng	0,1250
	Thực hiện đạt so kế hoạch và cao hơn so với năm trước liền kề	0,2500	0,2500	0,0000			0,2500
	Thực hiện đạt so kế hoạch	0,1250	0,0000	0,1250			
	Thực hiện không đạt so kế hoạch	0,0000	0,0000	0,0000			

STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TIÊU CHÍ HẠ CHUẨN	Ý KIẾN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH	Mất điểm
1.5.4	Số trẻ em mầm non	0,2500	0,0000	0,0000		Nội dung lần 1: 1. cần bổ sung tài liệu kiểm chứng, thống nhất danh mục tài liệu giữa các xã, ví dụ An Thạnh Nam không có Biên bản họp XXLĐ Ý kiến thẩm định 2: 1. đã có bổ sung tài liệu kiểm chứng	0,2500
	Thực hiện đạt so kế hoạch và cao hơn so với năm trước liền kề	0,2500	0,0000	0,0000			0,2500
	Thực hiện đạt so kế hoạch	0,1250	0,0000	0,0000			0,1250
	Thực hiện không đạt so kế hoạch	0,0000	0,0000	0,0000			
1.5.5	Số học sinh tiểu học	0,2500	0,0000	0,0000		Nội dung lần 1: 1. cần bổ sung tài liệu kiểm chứng, thống nhất danh mục tài liệu giữa các xã, ví dụ An Thạnh Nam không có Biên bản họp XXLĐ Ý kiến thẩm định 2: 1. đã có bổ sung tài liệu kiểm chứng	0,2500
	Thực hiện đạt so kế hoạch và cao hơn so với năm trước liền kề	0,2500	0,0000	0,0000			0,2500
	Thực hiện đạt so kế hoạch	0,1250	0,0000	0,0000			0,1250
	Thực hiện không đạt so kế hoạch	0,0000	0,0000	0,0000			
1.5.9	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	0,2500	0,0000	0,0000		Nội dung lần 1: 1. cần bổ sung tài liệu kiểm chứng, thống nhất danh mục tài liệu giữa các xã, ví dụ An Thạnh Nam không có Biên bản họp XXLĐ Ý kiến thẩm định 2: 1. đã có bổ sung tài liệu kiểm chứng	0,2500
	Thực hiện đạt so kế hoạch và cao hơn so với năm trước liền kề	0,2500	0,0000	0,0000			0,2500
	Thực hiện đạt so kế hoạch	0,1250	0,0000	0,0000			0,1250
	Thực hiện không đạt so kế hoạch	0,0000	0,0000	0,0000			
1.5.10	Số bác sỹ/vận dân	0,2500	0,1250	0,0000		Nội dung lần 1: 1. cần bổ sung tài liệu kiểm chứng, thống nhất danh mục tài liệu giữa các xã, ví dụ An Thạnh Nam không có Biên bản họp XXLĐ Ý kiến thẩm định 2: 1. đã có bổ sung tài liệu kiểm chứng	0,2500
	Thực hiện đạt so kế hoạch và cao hơn so với năm trước liền kề	0,2500	0,0000	0,0000			0,2500
	Thực hiện đạt so kế hoạch	0,1250	0,1250	0,0000			0,1250
	Thực hiện không đạt so kế hoạch	0,0000	0,0000	0,0000			
1.5.11	Số Giường bệnh/vận dân	0,2500	0,1250	0,1250		Nội dung lần 1: 1. cần bổ sung tài liệu kiểm chứng, thống nhất danh mục tài liệu giữa các xã, ví dụ An Thạnh Nam không có Biên bản họp XXLĐ Ý kiến thẩm định 2: 1. đã có bổ sung tài liệu kiểm chứng	0,1250
	Thực hiện đạt so kế hoạch và cao hơn so với năm trước liền kề	0,2500	0,0000	0,0000			0,2500
	Thực hiện đạt so kế hoạch	0,1250	0,1250	0,1250			
	Thực hiện không đạt so kế hoạch	0,0000	0,0000	0,0000			
1.5.12	Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế	0,2500	0,2500	0,0000		Nội dung lần 1: 1. cần bổ sung tài liệu kiểm chứng, thống nhất danh mục tài liệu giữa các xã, ví dụ An Thạnh Nam không có Biên bản họp XXLĐ Ý kiến thẩm định 2: 1. đã có bổ sung tài liệu kiểm chứng	0,2500
	Thực hiện đạt so kế hoạch và cao hơn so với năm trước liền kề	0,2500	0,2500	0,0000			0,2500
	Thực hiện đạt so kế hoạch	0,1250	0,0000	0,0000			0,1250
	Thực hiện không đạt so kế hoạch	0,0000	0,0000	0,0000			
1.5.13	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội của lực lượng lao động trong độ tuổi	0,2500	0,0000	0,0000		Nội dung lần 1: 1. cần bổ sung tài liệu kiểm chứng, thống nhất danh mục tài liệu giữa các xã, ví dụ An Thạnh Nam không có Biên bản họp XXLĐ Ý kiến thẩm định 2: 1. đã có bổ sung tài liệu kiểm chứng	0,2500
	Thực hiện đạt so kế hoạch và cao hơn so với năm trước liền kề	0,2500	0,0000	0,0000			0,2500
	Thực hiện đạt so kế hoạch	0,1250	0,0000	0,0000			0,1250
	Thực hiện không đạt so kế hoạch	0,0000	0,0000	0,0000			
1.5.14	Giải quyết việc làm mới trong năm	0,2500	0,1250	0,1250		Nội dung lần 1: 1. cần bổ sung tài liệu kiểm chứng, thống nhất danh mục tài liệu giữa các xã, ví dụ An Thạnh Nam không có Biên bản họp XXLĐ Ý kiến thẩm định 2: 1. đã có bổ sung tài liệu kiểm chứng	0,1250
	Thực hiện đạt so kế hoạch và cao hơn so với năm trước liền kề	0,2500	0,0000	0,0000			0,2500
	Thực hiện đạt so kế hoạch	0,1250	0,1250	0,1250			
	Thực hiện không đạt so kế hoạch	0,0000	0,0000	0,0000			
1.5.15	Dạy nghề (kể cả tư nhân)	0,2500	0,1250	0,1250		Nội dung lần 1: 1. cần bổ sung tài liệu kiểm chứng, thống nhất danh mục tài liệu giữa các xã, ví dụ An Thạnh Nam không có Biên bản họp XXLĐ Ý kiến thẩm định 2: 1. đã có bổ sung tài liệu kiểm chứng	0,1250
	Thực hiện đạt so kế hoạch và cao hơn so với năm trước liền kề	0,2500	0,0000	0,0000			0,2500

STT	NỘI DUNG LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	TIÊU CHÍ HẠ CHUẨN	Ý KIẾN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH	Mất điểm
	Thực hiện đạt so kế hoạch	0,1250	0,1250	0,1250			
	Thực hiện không đạt so kế hoạch	0,0000	0,0000	0,0000			
1.5.1 6	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	0,2500	0,2500	0,1250		Nội dung lần 1: 1. cần bổ sung tài liệu kiểm chứng, thống nhất danh mục tài liệu giữa các xã, ví dụ An Thạnh Nam không có Biên bản họp XXLD Ý kiến thẩm định 2: 1. đã có bổ sung tài liệu kiểm chứng	0,1250
	Thực hiện đạt so kế hoạch và cao hơn so với năm trước liền kề	0,2500	0,2500	0,0000			0,2500
	Thực hiện đạt so kế hoạch	0,1250	0,0000	0,1250			
	Thực hiện không đạt so kế hoạch	0,0000	0,0000	0,0000			
1.5.1 7	Tỷ lệ lao động đang làm việc so với tổng số lao động trong độ tuổi	0,2500	0,2500	0,1250		Nội dung lần 1: 1. cần bổ sung tài liệu kiểm chứng, thống nhất danh mục tài liệu giữa các xã, ví dụ An Thạnh Nam không có Biên bản họp XXLD Ý kiến thẩm định 2: 1. đã có bổ sung tài liệu kiểm chứng	0,1250
	Thực hiện đạt so kế hoạch và cao hơn so với năm trước liền kề	0,2500	0,2500	0,0000			0,2500
	Thực hiện đạt so kế hoạch	0,1250	0,0000	0,1250			
	Thực hiện không đạt so kế hoạch	0,0000	0,0000	0,0000			
1.5.1 8	Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hằng năm	0,2500	0,1250	0,1250		Nội dung lần 1: 1. cần bổ sung tài liệu kiểm chứng, thống nhất danh mục tài liệu giữa các xã, ví dụ An Thạnh Nam không có Biên bản họp XXLD Ý kiến thẩm định 2: 1. đã có bổ sung tài liệu kiểm chứng	0,1250
	Thực hiện đạt so kế hoạch và cao hơn so với năm trước liền kề	0,2500	0,0000	0,0000			0,2500
	Thực hiện đạt so kế hoạch	0,1250	0,1250	0,1250			
	Thực hiện không đạt so kế hoạch	0,0000	0,0000	0,0000			
1.5.2 1	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực đô thị, công nghiệp, dịch vụ được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường	0,2500	0,1250	0,1250		Nội dung lần 1: 1. cần bổ sung tài liệu kiểm chứng, thống nhất danh mục tài liệu giữa các xã, ví dụ An Thạnh Nam không có Biên bản họp XXLD Ý kiến thẩm định 2: 1. đã có bổ sung tài liệu kiểm chứng	0,1250
	Thực hiện đạt so kế hoạch và cao hơn so với năm trước liền kề	0,2500	0,0000	0,0000			0,2500
	Thực hiện đạt so kế hoạch	0,1250	0,1250	0,1250			
	Thực hiện không đạt so kế hoạch	0,0000	0,0000	0,0000			
1.5.2 2	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt tại khu dân cư nông thôn, làng nghề được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường	0,2500	0,1250	0,1250		Nội dung lần 1: 1. cần bổ sung tài liệu kiểm chứng, thống nhất danh mục tài liệu giữa các xã, ví dụ An Thạnh Nam không có Biên bản họp XXLD Ý kiến thẩm định 2: 1. đã có bổ sung tài liệu kiểm chứng	0,1250
	Thực hiện đạt so kế hoạch và cao hơn so với năm trước liền kề	0,2500	0,0000	0,0000			0,2500
	Thực hiện đạt so kế hoạch	0,1250	0,1250	0,1250			
	Thực hiện không đạt so kế hoạch	0,0000	0,0000	0,0000			
2	Tác động của cải cách đến chất lượng VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước do Sở, ngành tham mưu	2,0000	0,0000	0,0000			2,0000
3	Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy	3,0000	0,0000	0,0000			3,0000
4	Tác động của cải cách đến công chức, viên chức	4,5000	0,0000	0,0000			4,5000
5	Tác động của cải cách tài chính công	2,0000	0,0000	0,0000			2,0000
6	Tác động của cải cách đến xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử	2,5000	0,0000	0,0000			2,5000
	TỔNG CỘNG:	70,0000	60,2289				70,0000